TƯ LIỆU

DÂN TỘC HỌC

NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI RAGLAI Ở NINH THUẬN

SAKAYA

Người Raglai ở Ninh Thuận có số dân khoảng 52 ngàn người, chiếm hơn 50% dân số của người Raglai ở Việt Nam. Họ sinh sống chủ yếu ở rừng núi, sau này có một được chuyển xuống định cư ở vùng đồng bằng. Điều kiện sinh thái của núi rừng nhiệt đới Ninh Thuận với những thảm thực vật hỗn hợp, đa dạng đã tác động nhiều đến cuộc sống kinh tế, xã hội và con người Raglai; trong đó nổi bật là nền kinh tế tự cung, tự cấp với nghề thủ công truyền thống làm ra vật dụng phục vụ sinh hoạt, đảm bảo đời sống hàng ngày.

Nghề thủ công truyền thống của người Raglai thường được biết tới như nghề đan lát, làm gốm, rèn, làm trang phục, làm giấy. Nguồn nguyên vật liệu cho nghề thủ công được người Raglai tìm kiếm quanh khu vực cư trú. Sản phẩm làm ra chủ yếu là công cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt phục vụ đời sống hàng ngày. Tuy nhiên nghề thủ công này chỉ diễn ra trong gia đình mà chưa xuất hiện những làng nghề với quy mô lớn. Họ chỉ làm các nghề thủ công trong thời gian nông nhàn, với kỹ thuật chế tác còn khá thô sơ.

1. Nghề đan lát

Để làm các đồ dùng như gùi, thúng, mủng, nong, nia... người Raglai phải lựa chọn vật liệu rất kỹ càng. Để làm gùi, họ phải chọn loại tre già và to. Ngày chặt tre (và cả dây mây, lạt để làm gùi) là vào cuối tháng. Tre đem về được chẻ ra, phơi khô 3 ngày, sau đó chẻ nhỏ và chỉ lấy phần cật, vì cật tre mới đủ độ cứng cáp, dẻo dai, bền chắc trong quá trình sử dụng. Khi làm xong, họ thường đem treo ở nhà bếp để hun khói bếp từ vài tháng đến một năm nhằm chống mối mọt, tạo độ bền cho vật dụng. Nếu khi chế tác những vật dụng này, người làm không theo kỹ thuật truyền thống thì vật dụng dễ bị mọt ăn và gặp nắng mưa sẽ dễ gãy.

Hiện nay trong các làng Raglai ở Ninh Thuận, một số nghề thủ công truyền thống vẫn còn phổ biến. Song, việc đan gùi, nong, nia, đặc biệt là gùi, phải có tay nghề cao. Gùi của người Raglai thường có chiều cao khoảng 60cm, đường kính miệng gùi khoảng 40cm. Thân gùi phình ra ở phần bụng, nhỏ dần xuống phần đáy. Đáy gùi thường có bốn góc, với 4 chân trụ bằng gỗ và 2 thanh tre lớn bắt chéo làm giá đỡ

cho toàn bộ trọng lượng của gùi. Gùi có 2 dây, được đan bằng dây mây. Hình dáng gùi của người Raglai khác với các loại gùi mang hình khối chữ nhật, rất phổ biến ở các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên.

Để hoàn chỉnh một cái gùi, người thợ phải cần thời gian gần 1 tháng. Gùi của người Raglai gồm 3 bộ phận: miệng, thân và đáy. Phần đáy gùi được làm trước và sẽ quyết định kích thước và hình dáng. Sau đó, họ tiếp tục đan từ đáy gùi lên. Gùi của người Raglai phần lớn không có trang trí, chỉ một số gùi được trang trí hoa văn, phết màu đen trên nền vàng của màu tre nứa. Hoa văn chủ yếu là hình sao, tam giác, hình sóng nước, chữ thập, dấu nhân... nối nhau.

2. Nghề gốm

Theo bà Pi Năng Thị Là, 65 tuổi ở Gia Ế – Phước Bình, xưa kia ở làng Raglai nào cũng có người già biết làm gốm phục vụ cho gia đình mình. Họ chỉ làm những vật dụng cần thiết có kích thước nhỏ để nấu ăn như nồi, trả (*gok*); còn đa số đồ đựng khác, thường được làm từ quả bầu khô.

Ngày nay hầu hết các làng Raglai ở Ninh Thuận không ai còn làm nghề gốm nữa. Theo lời kể, cũng như xem xét loại hình gốm mà chúng tôi còn thấy trên thực địa, gốm Raglai làm bằng đất sét có lẫn sỏi, độ dẻo không cao, độ nung thấp, làm không có bàn xoay, cũng không có bàn cố định. Khi làm, họ chỉ nặn gốm trên một hòn đá phẳng làm hòn kê, sau đó nung ở ngoài trời bằng củi khô. Do vậy sản phẩm gốm của người Raglai thô sơ và đơn điệu. Kỹ thuật chế tác gốm này có nét gần gũi với gốm người Churu và cùng nguồn gốc hoặc ảnh hưởng từ gốm Chăm.

3. Cách tạo trang phục truyền thống

Người Raglai vốn không có nghề dệt. Xưa kia, họ chỉ dùng vỏ cây để chế tạo y phục, như vỏ cây sung (*phun hara*), cây sộp (*jakhoh*), vv... Người ta lột vỏ cây đem về đập cho tơi, ngâm nước, giặt sạch, phơi khô, rồi trổ ba lỗ: một lỗ chui đầu, hai lỗ còn lại để xỏ hai tay. Tuỳ theo loại áo, váy, khố có kích thước phù hợp với từng người mà họ xẻ vỏ cây ra làm mấy mảnh và kết nối những bộ phận lại với nhau bằng dây rừng.

Sau này, khi giao lưu với người Chăm, được người Chăm đem vải lên trao đổi thì y phục của người Raglai có thay đổi. Đàn bà mặc áo dài (*au loanh, au kuang*), đàn ông ở trần đóng khố.

Xưa kia, người Raglai còn dùng da thú rừng như da nai, da con đỏ, da trâu và dùng dây mây để cột quai làm dép. Loại dép này chỉ dùng cho người già và trẻ em khi đi đường rừng nhiều gai... Về trang sức, phụ nữ thường dùng cây lồ, xương thú để làm hoa tai; còn đàn ông đeo tai bằng răng thú...

4. Nghề rèn

Hầu hết trong các làng của người Raglai ở Ninh Thuận, làng nào cũng có gia đình làm nghề rèn; có làng có từ 2-3 hộ làm nghề này, nhưng chỉ làm vào những lúc nông nhàn, khoảng từ tháng 3 đến tháng 4 âm lịch. Khi mùa rẫy kết thúc thì nghề rèn cũng bắt đầu. Người Raglai có câu thành ngữ: *Bilan dwa pok san ôn băng/Bilan klow ngak patia jak glai pala tangơi* (Tháng giêng đánh mã la mừng mùa/Tháng ba rèn rựa phát rẫy trồng bắp).

Lò rèn (*kiam patia*) của người Raglai được cấu tạo đơn giản, chỉ bằng 2 ống bễ và một bếp lửa. Hai ống bễ cao khoảng 1m, làm bằng ống tre hoặc ống gỗ, sau này được làm bằng ống đồng. Bên trong mỗi ống bễ có cây thụt gió (*paphuh*), được làm bằng cây hoặc tre, có buộc một chùm lông gà hoặc ngọn cây đót ở hai đầu để tạo hơi. Hơi được chuyên từ bếp lửa bằng hai đoạn lồ ô đã đục bỏ các đốt ngang bên trong.

Khi rèn, thường ít nhất có 3 người đàn ông. Người lớn tuổi nhất có nhiều kinh nghiệm (thợ cả) đứng ra điều hành và đảm nhiệm các khâu kỹ thuật chính, tạo ra sản phẩm theo hình dạng định chế tác. Một thanh niên khoẻ mạnh sẽ phụ giúp thợ cả trong việc rèn, gò đập công cụ, một người nhỏ tuổi hơn, ít kinh nghiệm thì thụt bễ. Sản phẩm làm ra chủ yếu là phục vụ cho gia đình và tộc họ, láng giềng; một số ít dùng trao đổi trong làng.

Nguyên vật liệu để rèn chủ yếu là những sắt vụn, mua từ các nơi trong vùng. Có một thời kỳ, các loại sắt vụn trong chiến tranh (ống đạn, mảnh bom, xác máy bay...) là nguyên liệu lý tưởng để rèn công cụ. Sản phẩm chủ yếu là công cụ sản xuất và chiến đấu, như rìu, rựa, xà gạt, cuốc, mũi gậy chọc lỗ, liềm, dao, mác, mũi tên... Trong số này, rìu, rựa, xà gạt là công cụ sản xuất chiếm số lượng cao. Các dụng cụ này đều có kích thước nhỏ, chỉ thích hợp với nông nghiệp nương rẫy và khai thác tài nguyên ở rừng núi.

Ngày nay, người Raglai vẫn còn duy trì nghề rèn ở mỗi làng hay gia đình, tộc họ. Biết làm nghề rèn là tiêu chuẩn của người đàn ông trong xã hội, vì vậy, họ phải tích luỹ kinh nghiệm, nắm kỹ thuật rèn truyền thống của cha ông.

5. Nghề làm giấy

Quy trình làm giấy của người Raglai khá phức tạp. Từ khâu chuẩn bị đến khâu hoàn thành sản phẩm gồm nhiều công đoạn.

- Khung làm giấy: Công cụ làm giấy của người Raglai rất thô sơ - chỉ có một khung giấy hình vuông làm bằng cây *sahnai*. Khung giấy này có nhiều kích thước khác nhau, tuỳ theo người sản xuất định ra. Khung này được căng một tấm vải trắng, mỏng trên bề mặt.

- Nguyên liệu làm giấy là vỏ cây *bunuk* (bồ đề) hoặc vỏ cây *tukkhoah* (cây gió). Thời điểm chặt cây làm giấy là khoảng từ tháng 12 âm lịch đến tháng 4 năm sau. Đây là mùa khô, thời điểm thích hợp cho việc làm giấy.

- Quy trình chế biến nguyên liệu: Sau khi chặt cây, người ta lột vỏ mang về nhà, băm nhỏ vỏ rồi đem giã, tiếp đó là đun lên nấu cho thật nhuyễn. Có thể nấu nguyên liệu tới 2-3 lần. Quá trình nấu lần hai là quyết định sản phẩm bột giấy. Người nấu bột giấy phải túc trực sao cho nguyên liệu vừa đủ độ nhuyễn, bột đã đến độ mịn thì ngưng lửa, để cho nguội dần rồi múc đổ lên khung giấy. Người ta dùng một chiếc đũa tre dài để trải bột giấy ra thành một lớp mỏng trên mặt vải. Sau đó, họ đưa khung bột giấy đó đặt trên mặt nước suối để tạo độ dày mỏng của giấy cho đều. Cuối cùng, người ta nhấc khung giấy lên thật đều tay rồi mang đi phơi. Khi phơi hơi ráo nước thì có thể gỡ giấy ra rồi đem phơi khô ở nơi khác. Phơi khoảng bảy ngày, giấy sẽ khô ráo, có thể sử dụng được. Nếu bột giấy làm không hết, có thể vo cục phơi khô, cất đi khi nào dùng đến thì nấu lại.

Sản phẩm giấy của người Raglai xưa kia thường được dùng làm diều (trong tục cúng diều) hoặc dùng thay cho vải che thân. Hiện nay chưa tìm thấy người Raglai dùng giấy để viết chữ, vì họ không có chữ viết. Có thể Raglai là tộc người chuyên sản xuất giấy cho người Chăm, vì hai tộc người này có mối quan hệ mật thiết với nhau trong lịch sử. Từ xa xưa người Chăm đã có chữ viết, nhu cầu sử dụng giấy rất cao nhưng đến nay chưa ai tìm được kỹ thuật làm giấy của họ. Ngược lại, người ta lại tìm được nghề làm giấy ở người Raglai.

Kết luận

Nghề thủ công truyền thống của người Raglai như nghề đan lát, nghề gốm, tạo trang phục, nghề rèn và nghề làm giấy còn ở trình độ thấp... Các nghề thủ công này đã phản ánh khá trung thực trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội người Raglai trước đây. Nhìn chung trong xã hội truyền thống, các mặt hàng thủ công chưa đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của họ.

Vì nghề thủ công nghèo nàn, sản phẩm chưa đa dạng nên khi giao lưu, trao đổi với các tộc người khác phát triển như, với người chẳng hạn thì một số nghề thủ công của người Raglai đã bị biến mất (nghề gốm, làm giấy...), nhường chỗ cho những mặt hàng nổi tiếng cùng loại của người Chăm. Hiện nay, người Raglai chỉ còn lưu giữ khá phổ biến nghề đan lát, với các sản phẩm độc đáo như gùi, thúng, mủng, nong, nia và các loại giỏ tre...